

Mẫu số 7.8. PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG

| TT | Khu vực/ Đơn vị   | Phân tổ<br>(Hộ, nhân khẩu) | Tổng số hộ dân cư | Số hộ dân tộc thiểu số | Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng |                      |                           |                               |                                                  |                                         |                                                                 |                                                                     |
|----|-------------------|----------------------------|-------------------|------------------------|------------------------------------------------|----------------------|---------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|    |                   |                            |                   |                        | Tổng số hộ nghèo                               | Tổng số hộ cận nghèo | Hộ nghèo dân tộc thiểu số | Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số | Hộ nghèo không có khả năng lao động <sup>2</sup> | Hộ cận nghèo không có khả năng lao động | Hộ nghèo có thành viên người có công với cách mạng <sup>3</sup> | Hộ cận nghèo có thành viên người có công với cách mạng <sup>4</sup> |
| A  | B                 | C                          | 1                 | 2                      | 3                                              | 4                    | 5                         | 6                             | 7                                                | 8                                       | 9                                                               | 10                                                                  |
| II | Khu vực nông thôn |                            |                   |                        |                                                |                      |                           |                               |                                                  |                                         |                                                                 |                                                                     |
|    |                   |                            |                   |                        |                                                |                      |                           |                               |                                                  |                                         |                                                                 |                                                                     |
|    | Xã Phú Hữu        | Hộ                         | 7.196             | 0                      | 352                                            | 596                  | 0                         | 0                             | 58                                               | 71                                      | 0                                                               | 0                                                                   |
|    |                   | Nhân khẩu                  | 25.702            | 0                      | 1.210                                          | 2.059                | 0                         | 0                             | 72                                               | 110                                     | 0                                                               | 0                                                                   |
| 1  | Ấp Phú Lợi        | Hộ                         | 621               | 0                      | 30                                             | 16                   | 0                         | 0                             | 11                                               | 4                                       | 0                                                               | 0                                                                   |
|    |                   | Nhân khẩu                  | 2.348             | 0                      | 114                                            | 43                   | 0                         | 0                             | 14                                               | 8                                       | 0                                                               | 0                                                                   |
| 2  | Ấp Phú Quới       | Hộ                         | 348               | 0                      | 14                                             | 3                    | 0                         | 0                             | 3                                                | 1                                       | 0                                                               | 0                                                                   |
|    |                   | Nhân khẩu                  | 1.286             | 0                      | 47                                             | 9                    | 0                         | 0                             | 4                                                | 1                                       | 0                                                               | 0                                                                   |
| 3  | Ấp Phú Hiệp       | Hộ                         | 851               | 0                      | 62                                             | 64                   | 0                         | 0                             | 10                                               | 3                                       | 0                                                               | 0                                                                   |
|    |                   | Nhân khẩu                  | 3.113             | 0                      | 226                                            | 212                  | 0                         | 0                             | 11                                               | 6                                       | 0                                                               | 0                                                                   |
| 4  | Ấp Phú Hòa        | Hộ                         | 798               | 0                      | 107                                            | 82                   | 0                         | 0                             | 10                                               | 18                                      | 0                                                               | 0                                                                   |
|    |                   | Nhân khẩu                  | 2.944             | 0                      | 435                                            | 351                  | 0                         | 0                             | 12                                               | 32                                      | 0                                                               | 0                                                                   |

|    |               |           |       |   |    |     |   |   |    |    |   |   |
|----|---------------|-----------|-------|---|----|-----|---|---|----|----|---|---|
| 5  | Ấp Phú Thành  | Hộ        | 877   | 0 | 25 | 38  | 0 | 0 | 12 | 4  | 0 | 0 |
|    |               | Nhân khẩu | 3.169 | 0 | 56 | 154 | 0 | 0 | 14 | 5  | 0 | 0 |
| 6  | Ấp Phú Thạnh  | Hộ        | 642   | 0 | 27 | 62  | 0 | 0 | 6  | 9  | 0 | 0 |
|    |               | Nhân khẩu | 2.249 | 0 | 84 | 213 | 0 | 0 | 11 | 14 | 0 | 0 |
| 7  | Ấp Vĩnh Thạnh | Hộ        | 570   | 0 | 11 | 52  | 0 | 0 | 1  | 7  | 0 | 0 |
|    |               | Nhân khẩu | 1.894 | 0 | 28 | 160 | 0 | 0 | 1  | 10 | 0 | 0 |
| 8  | Ấp Vĩnh Phước | Hộ        | 768   | 0 | 22 | 91  | 0 | 0 | 1  | 8  | 0 | 0 |
|    |               | Nhân khẩu | 2.609 | 0 | 58 | 277 | 0 | 0 | 1  | 11 | 0 | 0 |
| 9  | Ấp Vĩnh Lợi   | Hộ        | 790   | 0 | 17 | 89  | 0 | 0 | 1  | 9  | 0 | 0 |
|    |               | Nhân khẩu | 2.818 | 0 | 46 | 282 | 0 | 0 | 1  | 12 | 0 | 0 |
| 10 | Ấp Vĩnh Hưng  | Hộ        | 672   | 0 | 25 | 60  | 0 | 0 | 3  | 4  | 0 | 0 |
|    |               | Nhân khẩu | 2.422 | 0 | 81 | 224 | 0 | 0 | 3  | 5  | 0 | 0 |
| 11 | Ấp Vĩnh Phát  | Hộ        | 259   | 0 | 12 | 39  | 0 | 0 | 0  | 4  | 0 | 0 |
|    |               | Nhân khẩu | 850   | 0 | 35 | 134 | 0 | 0 | 0  | 6  | 0 | 0 |

